TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**
SỐ:76/2024/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 04 tháng 6 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: anh Kiều Tuấn A, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: chị Tống Thị Ng, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện N, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Kiều Tuấn A và chị Tống Thị Ng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con chung: anh Kiều Tuấn A và chị Tống Thị Ng thỏa thuận giao cho chị Tống Thị Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Kiều Khánh L sinh ngày 05/7/2022, anh Kiều Tuấn A phải có

trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tống Thị Ng mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu Kiều Khánh L đủ 18 tuổi. Anh Kiều Tuấn A có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.2 Về tài sản, công nợ chung: Anh Kiều Tuấn A, chị Tống Thị Ng không yêu cầu giải quyết.

2.3 Về nghĩa vụ nộp án phí: Anh Kiều Tuấn A nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Kiều Tuấn A đã nộp tại biên lai thu số: BLTU/23/0001201 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc